

5. | Choose the correct Letter then write down the correct meaning of each phrase.

① **Example** chī  
吃 c eat a meal

chuáng  
床  
A

bīng  
冰  
B

⑦ huá  
滑

② qǐ  
起

fàn  
饭  
C

jiào  
觉  
D

⑧ kàn  
看

③ shuì  
睡

yá  
牙  
E

shū  
书  
F

⑨ chàng  
唱

④ shuā  
刷

tóu  
头  
G

zì  
字  
H

⑩ tiào  
跳

⑤ shū  
梳

xué  
学  
I

gē  
歌  
J

⑪ xiě  
写

⑥ fàng  
放

xié  
鞋  
K

wǔ  
舞  
L

⑫ chuān  
穿